

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Nghị quyết về kế hoạch  
phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2025, HĐND tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030

**1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết**

Việc ban hành Nghị quyết đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để nhằm thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 trên cơ sở phát huy kết quả, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong việc ban hành nghị quyết để quyết định các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030.

**2. Quá trình thực hiện và quy trình soạn thảo Nghị quyết**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương đánh giá một cách khách quan, toàn diện tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, từ đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 đảm bảo sát với tình hình thực tiễn và khả năng, điều kiện, nguồn lực của địa phương.

Đồng thời, chỉ đạo Sở Tài chính tổ chức dự thảo Nghị quyết; dự thảo Nghị quyết đã được các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến.

**3. Bố cục và nội dung chính của dự Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 02 Điều.

- Điều 1: Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.

(Chi tiết có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua. *[Signature]*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: ĐĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
Phan Phong Phú

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;*

*Xét Báo cáo số .../BC-UBND ngày...tháng .. năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030 với mục tiêu, chỉ tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

**1. Mục tiêu**

Phát huy ý chí, khát vọng vươn lên và sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các khâu đột phá chiến lược, các chương trình, dự án trọng điểm và các ngành, lĩnh vực mang tính đột phá. Thực hiện quyết liệt, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, khai thác hợp lý các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm tăng trưởng xanh. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát huy hiệu quả không gian phát triển mới; khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang kinh tế Đông - Tây. Chú trọng phát triển nguồn lực con người và các giá trị văn hóa, lịch sử; nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Xây dựng Quảng Trị trở thành cực tăng trưởng mới trong khu vực miền Trung.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

### 2.1. Kinh tế

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 9 - 10%/năm;
- Thu ngân sách giai đoạn 2026-2030 đạt 75 - 80 nghìn tỷ đồng;
- Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt 500 - 520 nghìn tỷ đồng.
- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt 227 - 238 nghìn tỷ đồng;
- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt 15 - 20%;
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 137 - 145 triệu đồng.

### 2.2. Xã hội

- Tuổi thọ trung bình đến năm 2030 đạt 74 tuổi;
- Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt khoảng 0,75;
- Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đến năm 2030 trên 766.000 lao động;
- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đến năm 2030 đạt 77%, trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%;
- Số bác sỹ bình quân trên 01 vạn dân đến năm 2030 đạt trên 13 bác sỹ;
- Số giường bệnh bình quân trên 01 vạn dân đến năm 2030 đạt 49 giường;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đến năm 2030 đạt 100%;
- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 80% và Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đến năm 2030 đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030 đạt 92%; Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn đến năm 2030 đạt 80%;
- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2030 đạt 60%;
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm từ 1 - 1,5%/năm.

### 2.3. Môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 khoảng 61%;
- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 100%;
- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đến năm 2030 đạt 100%;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đến năm 2030 đạt 98%;
- Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 đạt 92%.

#### 2.4. Quốc phòng, an ninh

- Tỷ lệ xã, phường, đặc khu đạt cơ sở vững mạnh toàn diện về quốc phòng đến năm 2030 đạt 100%;
- Giữ vững an ninh trật tự, hằng năm giảm 5% tội phạm về trật tự xã hội.

### 3. Nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá

#### 3.1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững, lấy công nghiệp năng lượng, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số và logistics làm động lực tăng trưởng. Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ chất lượng cao. Tập trung hình thành các cực tăng trưởng gắn với Khu kinh tế Hòn La và Khu kinh tế Đông Nam; phát huy vai trò 2 cảng biển nước sâu, 2 cảng hàng không, các cửa khẩu quốc tế và hệ thống giao thông trục dọc, trục ngang để mở rộng không gian phát triển và kết nối liên vùng, liên quốc gia. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại.

- Thực hiện đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo, nơi hội tụ các nhà khoa học, chuyên gia trong xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Xây dựng và vận hành hiệu quả hạ tầng số đồng bộ, nền tảng dữ liệu lớn; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, y tế, quản lý đô thị và sản xuất nông nghiệp. Đổi mới mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu - phát triển (R&D), hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Quan tâm đào tạo, sử dụng, thu hút nhân lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ và chuyên gia số.

- Tiếp tục phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát huy giá trị di sản thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát triển mạng lưới y tế theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo, tạo việc làm bền vững.

- Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Chủ động đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, ma túy, tội phạm xuyên quốc gia. Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng - an ninh; bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh kinh tế, an ninh mạng và an ninh con người.

#### 3.2. Các khâu đột phá

- Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút và thực hiện thành công các dự án kinh tế động lực, xây dựng Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng sạch, trung tâm du lịch và dịch vụ mới của khu vực miền Trung.

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở đáp ứng yêu cầu phát triển.

#### 4. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

4.1. Xác lập mô hình tăng trưởng mới trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững, ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách, cơ cấu lại thu, chi và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Nâng cao hiệu quả đầu tư công, thúc đẩy PPP và các nguồn vốn ngoài ngân sách; tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể.

Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; đến năm 2030, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 13%; công nghiệp và xây dựng chiếm 44%; dịch vụ chiếm 43%. Phát triển mạnh công nghiệp năng lượng xanh và công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại. Đưa vào vận hành Trung tâm điện lực Quảng Trạch, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị, thúc đẩy phương án tiếp khí vào đất liền tại Quảng Trị, tạo nền tảng hình thành chuỗi công nghiệp điện - khí quy mô lớn. Đến năm 2030, tổng công suất các nguồn điện toàn tỉnh đạt trên 8.000 MW, sản lượng điện sản xuất khoảng 30.000 triệu kWh; hình thành các trung tâm năng lượng quy mô lớn, hiện đại, kết nối đồng bộ với cảng biển nước sâu, hệ thống logistics và các khu công nghiệp ven biển, tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển. Nâng cao năng lực ngành xây dựng, nhất là xây dựng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế. Bình quân giai đoạn 2026 - 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm lĩnh vực công nghiệp và xây dựng đạt 14 - 16%/năm.

Xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm kinh tế tổng hợp của khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, trung tâm hậu cần và trung chuyển hàng hóa của các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) và khu vực. Phát triển dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Định vị Quảng Trị là một trong các điểm đến du lịch hấp dẫn nhất Việt Nam, trung tâm du lịch mạo hiểm của khu vực Châu Á gắn với những hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc. Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng trở thành trung tâm du lịch đẳng cấp khu vực châu Á; Đồng Hới, Cửa Việt trở thành trung tâm du lịch biển của khu vực miền Trung. Bình quân giai đoạn 2026 - 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm lĩnh vực dịch vụ đạt 7,6 - 8 %/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10 - 13%/năm. Phấn đấu đến năm 2030, khách du lịch đến tỉnh đạt từ 13 - 15 triệu lượt khách, tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch trong GRDP đạt khoảng 10%.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp; khuyến khích, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Phát triển

chăn nuôi chủ lực theo phương thức công nghiệp, chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp theo hướng bền vững. Đầu tư sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị có hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, tăng diện tích rừng trồng có chứng chỉ FSC; phát triển tín chỉ carbon rừng. Nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng thủy sản; phấn đấu sản lượng thủy sản đến năm 2030 đạt 150 nghìn tấn. Bình quân giai đoạn 2026 - 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,7 - 3%/năm.

4.2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh gắn với hoàn thiện thể chế, phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm soát quyền lực; chuyển đổi phương thức quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Tiếp tục cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; tháo gỡ điểm nghẽn của các loại thị trường; nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư. Đẩy mạnh công tác vận động, kêu gọi, thu hút các dự án ODA, NGO, FDI. Phấn đấu đến năm 2030, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế đạt 15.000 doanh nghiệp; giai đoạn 2026 - 2030, thu hút vốn ODA khoảng 220 triệu USD, vốn FDI khoảng 500 triệu USD, viện trợ NGO khoảng 47 triệu USD. Cải thiện xếp hạng chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu đưa chỉ số PCI của tỉnh thuộc nhóm 20 tỉnh, thành đứng đầu.

4.3. Hoàn thiện công tác quy hoạch; đặc biệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tỉnh và liên kết vùng. Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng chiến lược về giao thông, năng lượng, đô thị, thông tin - viễn thông và ứng phó với biến đổi khí hậu; hoàn thiện hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp; hình thành Khu kinh tế cửa khẩu La Lay; Xây dựng, triển khai Đề án “Phát triển Đặc khu Cồn Cỏ mạnh về kinh tế, vững về quốc phòng - an ninh”. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, phấn đấu hoàn thành hơn 4.800 căn nhà ở xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Đầu tư hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Đẩy mạnh phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững; Phấn đấu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2030 đạt 60%. Phát triển kinh tế biển, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của cả nước.

4.4. Đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong sản xuất, quản trị và dịch vụ công. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp số; tăng đầu tư từ ngân sách cho khoa học công nghệ; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đảm bảo an ninh mạng, an toàn dữ liệu; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số. Đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 35%; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân đạt trên 80%.

4.5. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất và thể chất người học theo Kết luận 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị và

Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo nghề và kỹ năng lao động; sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục; bảo đảm công bằng, chất lượng và hội nhập quốc tế; phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số.

4.6. Tiếp tục phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Quảng Trị; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân; đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản gắn với phát triển du lịch; đẩy mạnh xã hội hóa và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân; xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiện đại; phát triển y tế dự phòng và y tế cơ sở; nâng cao năng lực khám, chữa bệnh, mở rộng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa; huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư y tế; phát triển nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy chuyển đổi số và khoa học công nghệ trong y tế.

Đẩy mạnh quản lý phát triển xã hội bền vững; phát triển thị trường lao động hiện đại, mở rộng thị trường lao động ngoài nước; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia; giảm nghèo bền vững; nâng cao phúc lợi xã hội và chăm lo người có công; tăng tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

4.7. Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường; thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; nâng cao năng lực dự báo, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu và thiên tai; đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai và hạ tầng xử lý rác thải.

4.8. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm an ninh mạng, an ninh phi truyền thống; nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu và cứu hộ, cứu nạn.

4.9. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế; phát triển Quảng Trị trở thành trung tâm kết nối trên tuyến Hành lang Kinh tế Đông - Tây; thu hút đầu tư chiến lược, nhất là vào công nghiệp chế biến, xuất khẩu và công nghệ cao; thúc đẩy hợp tác với các địa phương Lào.

4.10. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, liêm chính; đổi mới quản lý tài chính - tài sản công; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao chất lượng công tác tư pháp, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**